TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HS - ST
Ngày: 16/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Minh

2. Bà Phạm Thị Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Lệ Thuỷ - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2026/TLST - HS ngày 19 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1021/2026/QĐXXST - HS ngày 02/7/ 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Văn K - sinh ngày 24/3/1988. CCCD: 038088xxxxxx. Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn C (nay là thôn V), xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn T (đã chết) và con bà Trịnh Thị T1 – sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, con; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án: không, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trịnh Văn T2 – sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Nay là: Thôn V, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

- Anh Trịnh Anh T3 – sinh năm 1991.
- Ông Trịnh Văn S – sinh năm 1987.
- Bà Trịnh Thị T1 – sinh năm 1961.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Nay là: Thôn V, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt bà T1, vắng mặt anh T3, ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 03/3/2026, Trịnh Văn K, sinh năm 1988 và Trịnh Anh T3, sinh năm 1991 (là hai anh em ruột), đều trú tại thôn C (nay là thôn V), xã T, tỉnh Thanh Hóa cùng uống rượu tại nhà mình. Sau khi uống rượu xong, K và T3 chở nhau vào nhà anh Trịnh Đình L (người cùng thôn) để tiếp tục uống rượu. Tại đây, T3 đã xảy ra cãi nhau to tiếng với ông Trình Đình H, sinh năm 1971, trú cùng thôn C. Khi thấy T3 say rượu cãi nhau với ông H thì được mọi người can ngăn và đưa về nhà.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày T3 đi bộ từ nhà đến nhà anh L tiếp tục uống rượu được một lúc thì mọi người nghỉ, rủ nhau ra sân vận động của thôn C để đá bóng. Thấy mọi người đi ra sân vận động của thôn, thì T3 đi ra sân bóng chơi và xin vào đá bóng cùng nhưng do say rượu nên mọi người không cho. T3 nghĩ đến việc cãi nhau trước đó với ông H nên T3 đi lại chỗ ông H cà khịa để đánh nhau, T3 rút dây thắt lưng, sau đó nhặt 02 (hai) viên đá định đánh ông H thì được mọi người can ngăn nên chưa xảy ra thương tích gì. Thấy có tiếng cãi nhau, K đang ở nhà đi ra sân vận động xem có việc gì. Khi ra đến nơi, thấy T3 và ông H đang to tiếng nên Khắc đi lại can ngăn T3, đồng thời chửi bới ông H. Khi đó, mọi người có mặt tại sân vận động C thì ông H đi về, K cũng bỏ về nhà. Một lúc sau, từ nhà K lấy 01 (một) con dao (kiếm) dài 55 cm, dạng dao cán gỗ, lưỡi kim loại, 1 đầu nhọn, 1 cạnh sắc trèo tường nhảy vào sân vận động L1, chửi bới đe dọa chém những người đang chơi ở sân vận động và nói "hôm nay, tao sẽ giết cả xóm này". Thấy vậy người dân đang chơi thể thao tại sân vận động L2 bị Khắc chém nên một số người đã bỏ chạy vào nhà ông Trịnh Văn T2 ở đối diện sân bóng, đóng cửa cổng lại còn K cầm dao chạy lùa theo đến cổng nhà ông T2 đe dọa. Tại đây, K tiếp tục chửi bới, đe dọa và rút dao từ trong bao gỗ chém vào cửa cổng nhà ông T2 02 (hai) nhát rồi bỏ về.

Ngày 06/03/2026, Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa đã có công văn báo cáo vụ việc và đề nghị xử lý đối với Trịnh Văn K để răn đe cũng như phòng ngừa tội phạm trên địa bàn.

Hiện trường nơi xảy ra vụ án được xác định tại khu vực sân vận động C1 thuộc địa phận thôn C (nay là thôn V), xã T, tỉnh Thanh Hóa, cửa ra vào sân vận động C1 ở tại hướng T, phía trước cửa ra vào là nhà ông Trịnh Văn T2, sinh năm 1966, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Về vật chứng và các đồ vật, tài liệu khác thu giữ, tạm giữ trong vụ án:

Ngày 04/03/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã tạm giữ 01 (một) con dao cán gỗ (kiếm), lưỡi kim loại, một đầu nhọn, tổng chiều dài 55 cm, cán dao dài 17 cm làm bằng gỗ; chắn tay, khoen cán làm bằng kim loại; lưỡi dao dài 38 cm,

mũi nhọn, 01 cạnh sắc, bản dao chỗ rộng nhất là 03cm, Dao có 01(một) vỏ làm bằng gỗ, dài 40 cm, bản rộng nhất là 4,5cm; Dao đã qua sử dụng do Trịnh Văn K tự nguyện giao nộp. Mẫu vật được niêm phong theo quy định. Tại bản kết luận giám định số: 1643/KL-KTHS ngày 26/3/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: 01 (một) vật gửi giám định là kiếm, thuộc Phụ lục 3 "Danh mục vũ khí thô sơ" ban hành kèm theo Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C2 (Bl: 117, 178) là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội hiện đang bảo quản tại kho vật chứng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/03/2026, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 (một) dây thắt lưng làm bằng da, màu đen, dài 113 cm, bản rộng 3,5 cm, dày 0,3 cm, mặt dây thắt lưng và móc cài làm bằng kim loại, dài 9,5 cm, rộng 04 cm do Trịnh Anh T3 tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định không phải là vật chứng của vụ án. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã chuyển theo hồ sơ xử phạt hành chính đối với Trịnh Anh T3.

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn K đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Trịnh Văn T2 số tiền 100.000 đồng. Gia đình ông T2 chấp nhận mức bồi thường và không yêu cầu thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 22/CT-VKSKV7 ngày 17/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa truy tố bị cáo: Trịnh Văn K về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn K về tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 BLHS.

- Xử phạt: bị cáo Trịnh Văn K từ 25 tháng đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 tháng đến 54 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng vụ án, về án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/3/2026, tại sân vận động C1 thuộc thôn C (nay là thôn V), xã T, tỉnh Thanh Hóa, Trịnh Văn K đã có hành vi dùng kiếm (thuộc danh mục vũ khí thô sơ) đe dọa chém và lùa đuổi một số người dân đang chơi thể thao từ sân vân động Cầu M đến cổng nhà ông Trịnh Văn T2. Tại cổng nhà ông T2 thì Trịnh Văn K tiếp tục chửi bới, đe dọa những người đã chạy vào nhà đồng thời dùng kiếm chém vào cánh cổng nhà ông T2 gây thiệt hại cho nhà ông T2 số tiền 100.000 đồng *(Một trăm nghìn đồng)*. Hành vi của K là nguy hiểm, gây hoang mang, lo sợ cho những người dân đang chơi thể thao tại sân vận động, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Hành vi trên đây của bị cáo đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng" với tình tiết định khung "dùng hung khí" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây rối trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm nói chung cũng như tội "Gây rối trật tự công cộng" nói riêng cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, cần lên cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cũng như có đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình ông T2. Bên cạnh đó, bị cáo đã tham gia ủng hộ quỹ "Vì người nghèo" có xác nhận của UBMTTQ xã T. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, phạm tội bộc phát, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về các tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Quá trình thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, Trịnh Văn K đã dùng kiếm chém vào cánh cổng nhà Trịnh Văn T2 gây thiệt hại về tài sản cho ông T2. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 16/4/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự xã T kết luận: Giá trị thiệt hại đối với tài sản bị xâm hại là 100.000 đồng *(Một trăm nghìn đồng)*. Không đủ yếu tố để cấu thành tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định trại Điều 178 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra chuyển Công an xã T xử phạt hành chính là có căn cứ.

Đối với Trịnh Anh T3 có hành vi sử dụng rượu bia, sau đó dùng dây thắt lưng, gạch thách thức đánh ông Trịnh Đình H1, tuy nhiên chưa gây ra thương tích cho ông H1, chưa gây náo loạn, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Vì vậy, Cơ quan điều tra chuyển Công an xã T xử phạt hành chính theo quy định.

[7] Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 (một) con dao (kiếm) cán gỗ, lưỡi kim loại, một đầu nhọn. Dao có 01(một) vỏ làm bằng gỗ; Dao đã qua sử dụng của Trịnh Văn K là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam C - Trại tạm giam Công an tỉnh T. Đặc điểm của vật chứng theo Lệnh nhập vật chứng số C243/LNK – VPCQCSĐT ngày 23/4/2026 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T và biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/4/2026 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T và Cơ quan Phân trại tạm giam Cẩm Thuỷ (cơ sở 2).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn K đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Trịnh Văn T2 số tiền 100.000 đồng. Gia đình ông T2 đồng ý và không yêu cầu gì thêm. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 BLHS.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn K phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

3. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn K 26 (hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 52 (năm mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/7/2026).

Giao bị cáo Trịnh Văn K cho UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 (một) con dao (kiếm) cán gỗ, lưỡi kim loại, một đầu nhọn. Dao có 01(một) vỏ làm bằng gỗ; Dao đã qua sử dụng của Trịnh Văn K là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam C - Trại tạm giam Công an tỉnh T. Đặc điểm của vật chứng theo Lệnh nhập vật chứng số C243/LNK – VPCQCSĐT ngày 23/4/2026 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T và biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/4/2026 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T và Cơ quan Phân trại tạm giam Cẩm Thuỷ (cơ sở 2).

- Về dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Văn K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Bị cáo;
- NCQL&NVLQ
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THA dân sự khu vực 7;
- THA dân sự tỉnh Thanh Hoá.
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hoá;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang